TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56//2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 11- 2024
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân và ông Đặng Viết Côi.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 329/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dư Thị N, sinh năm 2002.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn TK, xã ĐB, huyện UH, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê TA, sinh năm 1997.
Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn TK, xã ĐB, huyện UH, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dư Thị N trình bày:

Chị và anh Lê TA kết hôn ngày 18/11/2020 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐB, huyện UH, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn TK, xã ĐB, huyện UH, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng bộc lộ sự không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, xúc phạm nhau thậm chí nhiều lần còn xảy ra xô xát. Kể từ tháng 3/2023 (thời điểm sinh con thứ hai) chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh Anh, nhưng vì thương các con nên chị đã quay về mong hàn

gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không những không hóa giải được mà ngày càng trầm trọng nên đầu năm 2024 chị về ở nhà bố mẹ đẻ ở xã Hòa Phú, huyện UH, vợ chồng chính thức sống ly thân đến nay không còn quan tâm cuộc sống của nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Gia Khánh, sinh ngày 09/5/2021 và Lê Tuấn Đạt, sinh ngày 25/3/2023 hiên đang ở cùng chị. Do hai con chung đều còn nhỏ, mặt khác cháu Đạt bị bệnh di chứng thần kinh chậm phát triển trí tuệ, yếu chân tay nên ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Anh phải cấp dưỡng nuôi con.

Lê Gia Khánh bị bệnh nên hiện đã 42 tháng tuổi nhưng chưa biết đi, chưa biết nói như các bạn cùng trang lứa, từ trước đến nay chị N vẫn là người thường xuyên chăm sóc và điều trị vật lý trị liệu cho cháu Khánh

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các bản trình bày và biên bản lấy lời khai phía bị đơn anh Lê TA trình bày:

Anh và chị Dư Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐB ngày 18/11/2020. Ngay khi về chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung; mặt khác do anh nghe lời xúi bẩy của bạn bè nên ghen tuông, đánh chửi chị N khiến chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh khoảng nửa năm nay. Trước yêu cầu ly hôn của chị N, anh có quan điểm đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Gia Khánh, sinh ngày 09/5/2021 và Lê Tuấn Đạt, sinh ngày 25/3/2023. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh, để chị N nuôi dưỡng cháu Đạt và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Dư Thị N và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Dư Thị N được ly hôn anh Lê TA; giao chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Gia Khánh, sinh ngày 09/5/2021 và Lê Tuấn Đạt, sinh ngày 25/3/2023 và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh Anh; tài sản chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên đều khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn TK, xã ĐB, huyện UH, Thành phố Hà Nội nên TAND huyện UH thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lê TA: Quá trình tố tụng anh Anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Anh là đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Dư Thị N và anh Lê TA là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐB, huyện UH (Đăng ký kết hôn số 47 ngày 18/11/2020). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ đầu năm 2024 khiến cả hai đã sống ly thân, chấm dứt mối quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Anh đã đến mức trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa; quá trình tố tụng, trước yêu cầu ly hôn của chị N, phía anh Anh có quan điểm đồng ý ly hôn… Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị N về ly hôn anh Anh là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị N ly hôn anh Anh.

[3] Về con chung: Chị N và anh Anh có hai con chung là Lê Gia Khánh, sinh ngày 09/5/2021 và Lê Tuấn Đạt, sinh ngày 25/3/2023 hiện đang ở cùng chị N. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung; còn phía anh Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Khánh, để chị N nuôi dưỡng cháu Đạt khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cả chị chị N, anh Anh đều không thuộc trường hợp hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên và đều đảm bảo về điều kiện nuôi con theo quy định pháp luật. Tuy nhiên cả hai con chung đều còn nhỏ (cháu Đạt mới được 20 tháng tuổi, còn cháu Khánh 42 tháng tuổi) và đều do chị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay; mặt khác cháu Khánh bị bệnh di chứng thần kinh yếu tứ chi chưa biết đi, chậm phát triển trí tuệ, chị N là người đang chăm sóc, điều trị vật lý trị liệu cho cháu. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị N về nuôi dưỡng cả hai chung và nghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Anh cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

[5] Về công nợ chung: Các bên khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị N và bị đơn anh Anh có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Dư Thị N được ly hôn anh Lê TA.

2. Về con chung: Giao hai con chung của chị Dư Thị N và anh Lê TA là Lê Gia Khánh, sinh ngày 09/5/2021 và Lê Tuấn Đạt, sinh ngày 25/3/2023 cho chị Dư Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn cho anh Lê TA việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Lê TA có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Chị Dư Thị N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0011996 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện UH. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện UH;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Anh Phương